

SCONA TPEV 1110 PB

Mã sản phẩm: 000000000000126242

Phiên bản 1.0 SDS_VN

Ngày tháng sửa đổi, bổ sung gần
nhất 2022/11/21

Ngày in 2025/02/24

1. NHẬN DẠNG HÓA CHẤT VÀ THÔNG TIN VỀ NHÀ CUNG CẤP

Tên sản phẩm : SCONA TPEV 1110 PB

Kiểu ứng dụng (sử dụng) : <** Phrase language not available: [VI] CUST - X01.02000326 **>

Thông tin nhà cung cấp (nhập khẩu; sản xuất; phân phối)

Công ty : BYK-Chemie GmbH

Địa chỉ : Abelstrasse 45
46483 Wesel

Điện thoại : +49 281 670-23532

Telefax : +49 281 670-23533

Địa chỉ e-mail : GHS.BYK@altana.com

Số điện thoại liên hệ trong trường hợp khẩn cấp : +84 28 4458 2388 (Tiếng việt và tiếng anh)
+65 3158 1074 (All languages)

2. NHẬN DẠNG ĐẶC TÍNH NGUY HIỂM CỦA HÓA CHẤT**Phân loại theo GHS**

Không phải là chất hay hỗn hợp nguy hại.

Các yếu tố nhãn theo GHS

Không phải là chất hay hỗn hợp nguy hại.

Các thông tin nguy hại khác (nếu có, ví dụ: bụi nổ..)

Không có thông tin.

3. THÔNG TIN VỀ THÀNH PHẦN CÁC CHẤT

Đơn chất / Hỗn hợp chất : Polyme

Bản chất hóa học : Carboxylated Ethylene-vinyl acetate copolymer

Thành phần nguy hiểm

Không có thành phần nguy hiểm

4. BIỆN PHÁP SƠ CỨU VỀ Y TẾ

Lời khuyên chung : Không được để nạn nhân một mình.

Trường hợp tai nạn tiếp xúc theo đường hô hấp : Nếu bất tỉnh, đặt ở tư thế phục hồi và tìm kiếm sự giúp đỡ y tế.
Nếu các triệu chứng vẫn còn, hãy gọi bác sĩ.

Trường hợp tai nạn khi tiếp xúc với mắt : Gỡ bỏ kính áp tròng.
Bảo vệ con mắt không bị tổn thương.
Liên hệ với chuyên gia nếu hiện tượng kích ứng ở mắt kéo dài.

Trường hợp tai nạn theo đường tiêu hóa : Giữ sạch đường hô hấp.
Không cho uống sữa hoặc các đồ uống có cồn.

SCONA TPEV 1110 PB

Mã sản phẩm: 000000000000126242

Phiên bản 1.0 SDS_VN

Ngày tháng sửa đổi, bổ sung gần
nhất 2022/11/21

Ngày in 2025/02/24

Các triệu chứng/tác hại
nghiêm trọng tức thời và ảnh
hưởng sau này

: Không đưa bất cứ cái gì vào miệng nạn nhân bị bất tỉnh.
Nếu các triệu chứng vẫn còn, hãy gọi bác sĩ.
Được biết là chưa xảy ra.

5. BIỆN PHÁP XỬ LÝ KHI CÓ HỎA HOẠN

Các phương tiện chữa cháy
thích hợp

: Bột
Carbon diôxit (CO₂)
Hóa chất khô
Nước

Các phương tiện chữa cháy
không thích hợp

: Tia nước dung tích lớn

Các nguy hiểm cụ thể khi
chữa cháy

: Các sản phẩm phân hủy nguy hại được tạo thành trong các
điều kiện cháy.

Các chất độc được sinh ra
khi bị cháy

: Carbon ôxit

Các phương pháp cứu hỏa
cụ thể

: Quy trình chuẩn dùng trong cháy nổ hóa chất
Sử dụng các biện pháp chữa cháy phù hợp với hoàn cảnh địa
phương và môi trường xung quanh.

Thiết bị bảo hộ đặc biệt dành
cho lính cứu hỏa

: Đeo các dụng cụ thở cá nhân khi chữa cháy nếu cần thiết.

6. BIỆN PHÁP PHÒNG NGỪA, ỨNG PHÓ KHI CÓ SỰ CỐ

Trang thiết bị bảo hộ và quy
trình ứng phó sự cố

: Sử dụng giày chống trơn tại các khu vực mà hiện tượng rò rỉ
hoặc tràn đổ có thể xảy ra.
Tránh tạo ra bụi.

Các cảnh báo về môi trường

: Nếu sản phẩm làm ô nhiễm sông, hồ hoặc đường dẫn nước,
hãy thông báo cho các cơ quan hữu quan.

Biện pháp, vật liệu vệ sinh
sau khi xảy ra sự cố

: Thu gom và tiêu hủy mà không tạo ra bụi bẩn.
Quét và dọn sạch bằng xẻng.
Giữ trong các bình chứa kín thích hợp để tiêu hủy.

7. YÊU CẦU VỀ SỬ DỤNG, BẢO QUẢN

Lời khuyên khi bảo vệ khỏi
cháy nổ

: Cung cấp ống xả thông gió thích hợp tại nơi bụi được tạo
thành.

Biện pháp, điều kiện cần áp
dụng khi sử dụng, thao tác
với hóa chất nguy hiểm

: Về bảo hộ cá nhân, xem phần 8.
Cấm hút thuốc, ăn uống tại khu vực sử dụng.

Biện pháp, điều kiện cần áp
dụng khi bảo quản

: Việc lắp đặt thiết bị điện / vật liệu đang làm việc phải tuân
theo tiêu chuẩn an toàn về công nghệ.

Các chất cần tránh bảo quản
chung

: Không có vật liệu đặc biệt nào được đề cập tới.

Nhiệt độ lưu giữ đề nghị

: < 40 °C

SCONA TPEV 1110 PB

Mã sản phẩm: 000000000000126242

Phiên bản 1.0 SDS_VN

Ngày tháng sửa đổi, bổ sung gần
nhất 2022/11/21

Ngày in 2025/02/24

8. KIỂM SOÁT PHƠI NHIỄM/YÊU CẦU VỀ THIẾT BỊ BẢO VỆ CÁ NHÂN**Các thành phần có các thông số cần kiểm soát tại nơi làm việc**

Không chứa các chất có giá trị giới hạn phơi nhiễm nghề nghiệp.

Biện pháp và thiết bị bảo hộ cá nhân

Bảo vệ hô hấp : Thông thường không yêu cầu các thiết bị bảo hộ hô hấp cá nhân.

Bảo vệ tay
Vật liệu : Găng tay bảo hộGhi chú : Khi thao tác với vật liệu nóng, dùng găng chịu nhiệt.
Mang găng tay thích hợp.

Bảo vệ mắt : Kính bảo hộ

Bảo vệ da và cơ thể : Bộ quần áo bảo hộ

Các biện pháp vệ sinh : Biện pháp vệ sinh công nghiệp chung.

9. ĐẶC TÍNH LÝ, HÓA CỦA HÓA CHẤTTrạng thái : bột
Màu sắc : màu trắng
Mùi đặc trưng : rất mờ, giống dấm
Ngưỡng mùi : chưa có dữ liệuĐộ pH : không tan
Điểm/khoảng nóng chảy : 70 - 110 °C
Phương pháp: DIN 53461Điểm sôi ban đầu : Không áp dụng được
Điểm cháy : Không áp dụng được

Tỷ lệ hóa hơi : Không áp dụng được

Khả năng bắt cháy (chất rắn, khí) : Chất rắn dễ cháy
Giới hạn trên của cháy nổ : Không áp dụng được

Giới hạn dưới của cháy nổ : Không áp dụng được

Áp suất hóa hơi : Không áp dụng được

Tỷ trọng hơi tương đối : Không áp dụng được

Tỷ trọng tương đối : chưa có dữ liệu

Mật độ : Khoảng 0,93 g/cm³ (20 °C, 1.013 hPa)
Phương pháp: DIN 53479Mật độ lớn : 0,45 - 0,55 g/cm³ Phương pháp: DIN 53466Độ hòa tan
Độ hòa tan trong nước : không tan

SCONA TPEV 1110 PB

Mã sản phẩm: 000000000000126242

Phiên bản 1.0 SDS_VN

Ngày tháng sửa đổi, bổ sung gần
nhất 2022/11/21

Ngày in 2025/02/24

Độ hòa tan trong các dung môi khác	:	chưa có dữ liệu
Hệ số phân tán: n- octanol/nước	:	chưa có dữ liệu
Nhiệt độ tự cháy	:	Không áp dụng được
Nhiệt độ phân hủy	:	> 350 °C
Độ nhớt	:	
Độ nhớt, động lực	:	Không áp dụng được
Độ nhớt, động học	:	Không áp dụng được

10. MỨC ỔN ĐỊNH VÀ PHẢN ỨNG CỦA HÓA CHẤT

Khả năng phản ứng	:	Không phân hủy nếu được lưu trữ và ứng dụng như chỉ dẫn.
Tính ổn định	:	Không phân hủy nếu được lưu trữ và ứng dụng như chỉ dẫn.
Phản ứng nguy hiểm	:	Ổn định trong các điều kiện lưu trữ được đề nghị. Không có mối nguy nào được nhắc đến cụ thể. Bụi có thể tạo hỗn hợp dễ nổ trong không khí.
Các điều kiện cần tránh	:	Các nguồn nhiệt trực tiếp.
Vật liệu không tương thích	:	Các chất oxy hóa mạnh
Phản ứng phân hủy và các sản phẩm độc của phản ứng phân hủy	:	Ổn định trong các điều kiện lưu trữ được đề nghị.

11. THÔNG TIN VỀ ĐỘC TÍNH**Độc cấp tính****Sản phẩm:**Độc tính cấp theo đường
miệng : Ghi chú: chưa có dữ liệu**Ăn mòn/kích ứng da****Sản phẩm:**

Ghi chú: chưa có dữ liệu

Tổn thương mắt nghiêm trọng/kích ứng mắt**Sản phẩm:**

Ghi chú: chưa có dữ liệu

Kích thích hô hấp hoặc da**Sản phẩm:**

Ghi chú: chưa có dữ liệu

SCONA TPEV 1110 PB

Mã sản phẩm: 000000000000126242

Phiên bản 1.0 SDS_VN

Ngày tháng sửa đổi, bổ sung gần
nhất 2022/11/21

Ngày in 2025/02/24

Độc biến tế bào mầm (tế bào gen)**Sản phẩm:**Độc tính gây đột biến gen : Ghi chú: chưa có dữ liệu
trong ống thí nghiệmĐộc tính gây đột biến gen : Ghi chú: chưa có dữ liệu
trong cơ thể**Tác nhân gây ung thư****Sản phẩm:**

Ghi chú: chưa có dữ liệu

Độc tính sinh sản**Sản phẩm:**Ảnh hưởng đến khả năng : Ghi chú: chưa có dữ liệu
sinh sảnẢnh hưởng đến sự phát triển : Ghi chú: chưa có dữ liệu
của thai**STOT - Tiếp xúc một lần****Sản phẩm:**

Ghi chú: chưa có dữ liệu

STOT - Tiếp xúc lặp lại**Sản phẩm:**

Ghi chú: chưa có dữ liệu

Lượng độc lặp lại**Sản phẩm:**

Ghi chú: chưa có dữ liệu

Độc tính hô hấp**Sản phẩm:**

chưa có dữ liệu

Thông tin khác**Sản phẩm:**

Ghi chú: chưa có dữ liệu

12. THÔNG TIN VỀ SINH THÁI**Độc môi trường****Sản phẩm:**

Độc đối với cá :

SCONA TPEV 1110 PB

Mã sản phẩm: 000000000000126242

Phiên bản 1.0 SDS_VN

Ngày tháng sửa đổi, bổ sung gần
nhất 2022/11/21

Ngày in 2025/02/24

Ghi chú: chưa có dữ liệu

Độc tính đối các loài giáp xác :
và các động vật không
xương sống thủy sinh khác

Ghi chú: chưa có dữ liệu

Tính bền vững, khó phân hủy và khả năng phân hủy**Sản phẩm:**

Tính phân hủy sinh học : Ghi chú: Polymer rất lớn để có thể được hấp thụ.

Khả năng tích lũy sinh học**Sản phẩm:**

Tính tích lũy sinh học : Ghi chú: Tích lũy không đáng kể trong các cơ thể sinh vật

Độ linh động trong đất**Sản phẩm:**

Tính lưu động : Ghi chú: Sản phẩm này không tan và nổi trên nước.

Các tác hại khác**Sản phẩm:**

Các thông tin sinh thái khác : chưa có dữ liệu

13. THÔNG TIN VỀ THẢI BỎ**Các biện pháp thải bỏ**

Bao bì nhiễm độc : Các thùng chứa rỗng cần được đưa tới cơ sở đủ tiêu chuẩn để tái chế hoặc loại bỏ

14. THÔNG TIN KHI VẬN CHUYỂN**Quy định Quốc tế****UNRTDG**

Chưa được quy định là hàng hóa nguy hiểm

IATA-DGR

Chưa được quy định là hàng hóa nguy hiểm

Mã IMDG

Chưa được quy định là hàng hóa nguy hiểm

Vận chuyển trong tàu lớn theo như Phụ lục II của Công ước MARPOL 73/78 và Bộ luật IBC

Không áp dụng cho sản phẩm khi được cung cấp.

SCONA TPEV 1110 PB

Mã sản phẩm: 000000000000126242

Phiên bản 1.0 SDS_VN

Ngày tháng sửa đổi, bổ sung gần
nhất 2022/11/21

Ngày in 2025/02/24

15. THÔNG TIN VỀ PHÁP LUẬT**Các thông tin pháp luật về an toàn, sức khỏe và môi trường đối với hóa chất**

Luật Hóa Chất số 06/2007/QH12

16. CÁC THÔNG TIN CẦN THIẾT KHÁC, BAO GỒM CÁC THÔNG TIN KHI XÂY DỰNG VÀ HIỆU ĐÍNH PHIẾU AN TOÀN HÓA CHẤT**Toàn bộ nội dung các cụm từ viết tắt khác**

AIIC - Kiểm kê Hóa chất Công nghiệp Úc; ANTT - Cơ quan Quốc gia về Vận tải trên Đất liền của Brazil; ASTM - Hiệp hội Hoa Kỳ về Thử nghiệm Vật liệu; bw - Trọng lượng cơ thể; CMR - Chất gây ung thư, chất gây đột biến hoặc ngộ độc sinh sản; DIN - Tiêu chuẩn của Viện Tiêu chuẩn hóa của Đức; DSL - Danh sách các Chất Nội địa (Canada); ECx - Nồng độ liên quan đến x% đáp ứng; ELx - Tốc độ chất liệu liên quan đến x% đáp ứng; EmS - Bảng Tình trạng khẩn cấp; ENCS - Hóa chất Hiện có và Mới (Nhật Bản); ErCx - Nồng độ liên quan đến x% đáp ứng tốc độ tăng trưởng; ERG - Hướng dẫn Phản ứng Tình trạng khẩn cấp; GHS - Hệ thống hài hòa Toàn cầu; GLP - Thực hành tốt phòng kiểm nghiệm; IARC - Cơ quan Nghiên cứu Ung thư Toàn cầu; IATA - Hiệp hội Hàng không Toàn cầu; IBC - Mã Quốc tế về Xây dựng và Thiết bị Tàu chuyên chở Hóa chất Độc hại; IC50 - Nồng độ ức chế tối đa 50% tăng trưởng ở đối tượng thử nghiệm; ICAO - Tổ chức Hàng không Dân dụng Quốc tế; IECSC - Kiểm kê Hóa chất Hiện có tại Trung Quốc; IMDG - Hàng hải Quốc tế về Hàng nguy hiểm; IMO - Tổ chức Hàng hải Quốc tế; ISHL - Luật Sức khỏe và An toàn ngành (Nhật Bản); ISO - Tổ chức Tiêu chuẩn hóa Quốc tế; KECI - Kiểm kê Hóa chất hiện có Hàn Quốc; LC50 - Nồng độ gây chết người đối với 50% đối tượng được thử nghiệm; LD50 - Liều lượng gây chết người đối với 50% đối tượng được thử nghiệm (Liều lượng Gây chết người Trung bình); MARPOL - Quy ước Quốc tế về Phòng chống Ô nhiễm từ Tàu thuyền; n.o.s. - Không được Quy định Khác; Nch - Tiêu chuẩn Chile; NO(A)EC - Không quan sát thấy nồng độ gây tác dụng (bất lợi); NO(A)EL - Không quan sát thấy mức độ gây tác dụng (bất lợi); NOELR - Không quan sát thấy tốc độ chất liệu gây tác dụng phụ; NOM - Tiêu chuẩn Chính thức Mexico; NTP - Chương trình Độc học Quốc gia; NZIoC - Kiểm kê Hóa chất New Zealand; OECD - Tổ chức phát triển và hợp tác kinh tế; OPPTS - Văn phòng phòng chống ô nhiễm và an toàn hóa học; PBT - Chất Độc hại, Bền và Khó phân hủy; PICCS - Kiểm kê Hóa chất Philippines; (Q)SAR - (Định lượng) Mỗi quan hệ Hoạt động Cấu trúc; REACH - Quy định (EC) Số 1907/2006 của Hội đồng và Nghị viện châu Âu về Đăng ký, Đánh giá, Cấp phép và Hạn chế Hóa chất; SADT - Nhiệt độ Phân hủy Tự tăng tốc; SDS - Phiếu an toàn hóa chất; TCSI - Kiểm kê Hóa chất Đài Loan; TDG - Vận chuyển Hàng hóa Nguy hiểm; TECI - Bảng kê khai tồn kho hóa chất hiện tại của Thái Lan; TSCA - Đạo luật Kiểm soát Độc chất (Hoa Kỳ); UN - Liên Hiệp Quốc; UNRTDG - Khuyến nghị của Liên hiệp quốc về Vận chuyển Hàng hóa Nguy hiểm; vPvB - Rất bền và rất Khó phân hủy; WHMIS - Hệ thống Thông tin An toàn Hóa chất Nơi làm việc

Định dạng ngày tháng : năm/tháng/ngày

Các thông tin này dựa trên hiểu biết hiện nay của chúng tôi do đó không chắc chắn đối với một số đặc tính nhất định.